CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ *No*: 5342 2004A/KQ
Mã số/ *Code*: 0911 2004VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 2612 2004VT2

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Địa chỉ/ *Address* : 02 Hưng Đạo Vương, phường 1, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 18/04/2020 **Ngày trả kết quả/ *Date of issue*** : 25/04/2020

Loại mẫu/ *Kind of sample* : Nước ăn uống **Số lượng mẫu/ *Quantity of sample*** : 01 mẫu

Tên mẫu/ *Name of sample* : **Mẫu nước sau xử lý ; Vị trí lấy mẫu : Bể chứa - Nhà máy nước Hưng Đạo Vương : 02 Hưng Đạo Vương , phường 1 , Tp Vĩnh Long , tỉnh Vĩnh Long**

Tình trạng mẫu/ *State of sample* : Đựng trong can nhựa.

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*	QCVN 01: 2009/BYT CỘT A,B
1	Độ màu (*) (I)	SMEWW 2120C:2017	Không phát hiện (LOD=4,6)	TCU	**15**
2	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục (*) (I)	SMEWW 2130 B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,17)	NTU	**2**
4	pH (*) (I)	TCVN 6492 : 2011	7,68	-	**6,5-8,5**
5	Độ cứng (*) (I)	SMEWW 2340 C : 2017	103	mg $CaCO_3$/L	**300**
6	Clorua (Cl^-) (*) (I)	SMEWW 4500 Cl- B : 2017	26,5	mg/L	**250**
7	Nitrat (NO_3^-) (*) (I)	SMEWW 4500 (NO_3^-)-E : 2012	1,48	mg/L	**50**
8	Nitrit (NO_2^-) (*) (I)	TCVN 6178 : 1996	Không phát hiện (LOD=0,02)	mg/L	**3**
9	Sắt (Fe) (*) (I)	SMEWW 3030 A,E : 2017 SMEWW 3111 B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,03)	mg/L	**0,3**
10	Mangan (Mn) (*) (I)	SMEWW 3030 A,E : 2017 SMEWW 3111 B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,03)	mg/L	**0,3**
11	Clo dư (*) (I)	SMEWW 4500 (Cl_2) - B : 2017	0,50	mg/L	**0,3-0,5**

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ *No*: 5342 2004A/KQ
Mã số/ *Code*: 0911 2004VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 2612 2004VT2

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*	QCVN 01: 2009/BYT CỘT A,B
12	Sunphat (SO_4^{2-}) (*) (I)	SMEWW 4500 (SO_4^{2-}) E : 2017	Không phát hiện (LOD=1,29)	mg/L	**250**
13	Chỉ số permanganat (*) (I)	TCVN 6186 : 1996	Không phát hiện (LOD=0,25)	mgO_2/L	**2**
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)	SMEWW 2540.C : 2017	174	mg/L	**1000**
15	Nhôm (Al)	SMEWW 3500 (Al) B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,02)	mg/L	**0,2**
16	Amoni (NH_4^+)	TCVN 5988 : 1995	Không phát hiện (LOD=0,3)	mg/L	**3**
17	Arsen (As) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2017 SMEWW 3113 B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	**0,01**
18	Florua (F^-) (*)	SMEWW 4500 (F-) B,D : 2017	Không phát hiện (LOD=0,08)	mg/L	**1,5**
19	Hydro sunfur (H_2S)	EPA 376.2 : 2003	Không phát hiện (LOD=0,032)	mg/L	**0,05**
20	Chì (Pb) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2017 SMEWW 3113 B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	**0,01**
21	Thủy ngân (Hg) (*)	SMEWW 3112 (Hg) B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,00015)	mg/L	**0,001**
22	Natri (Na) (*)	SMEWW 3500 (Na) B : 2017	13,4	mg/L	**200**
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol	Ref. EPA 604, 1984	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/L	**1**
24	Benzen	Ref. EPA 8260C: 2006	Không phát hiện (LOD=2,0)	µg/L	**10**
25	Benzo(a)pyren	Ref. EPA 8270D : 2006	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/L	**0,7**
26	Monoclorobenzen	Ref. EPA 8260C: 2006	Không phát hiện (LOD=2,0)	µg/L	**300**

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ *No*: 5342 2004A/KQ
Mã số/ *Code*: 0911 2004VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 2612 2004VT2

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*	QCVN 01: 2009/BYT CỘT A,B
27	Monocloramin	SMEWW 4500 Cl_2 B : 2017	Không phát hiện (LOD=1)	µg/L	3
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α (s/c)	TCCS-NN-11-2017	Không phát hiện (LOQ=0,5)	pCi/L	3
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β (s/c)	TCCS-NN-12-2014	2,2 ± 0,3	pCi/L	30
30	Coliforms (*) (I)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	0
31	*E. coli* (*) (I)	ISO 9308-1:2014 /Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	0

Ghi chú/ *Notes*:
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện / *LOD: Limit of Detection.*
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *(s/c): Items are tested by subcontractor.*
(I): Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Y Tế/ *Items were designated by Ministry of Health.*
(N): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/
Items were designated by National Agro – Forestry - Fisheries Quality Assurance Department

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

ThS. Nguyễn Văn Tâm